

DAY HỌC TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH LỚP 3 TỪ BÌNH DIỆN NGỮ DỤNG HỌC

TS. Nguyễn Thị Thu Hằng - Nguyễn Kiên Quyết

Trường Đại học Sài Gòn

Email: ntthang@sgu.edu.vn.

Tóm tắt: Bài báo tóm tắt một phần đề tài của chúng tôi nghiên cứu mối liên hệ giữa Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 môn Ngữ văn cho học sinh lớp 3 và kiến thức Ngữ dụng học tương ứng. Qua thống kê, khảo sát và phân tích, chúng tôi đưa ra những định hướng vận dụng kiến thức ngữ dụng học để nâng cao hiệu quả dạy học Tiếng Việt cho học sinh tiểu học nói chung và lớp 3 nói riêng.

Từ khóa: Dạy học Tiếng Việt, học sinh tiểu học, ngữ dụng học.

Nhận bài: 2/12/2025; Biên tập: 3/12/2025; Phản biện: 5/12/2025; Duyệt đăng: 11/12/2025.

1. Đặt vấn đề

Ngữ dụng học là một ngành khoa học nghiên cứu ngôn ngữ trong ngữ cảnh giao tiếp. Vận dụng kiến thức Ngữ dụng học để dạy học tiếng Việt cho học sinh (HS) tiểu học là một định hướng tất yếu nhằm dạy học theo định hướng giao tiếp và nâng cao năng lực giao tiếp của HS. Qua khảo sát bằng cách lấy phiếu ý kiến của giáo viên (GV) Tiểu học, chúng tôi thấy GV gặp một số khó khăn trong quá trình giảng dạy tiếng Việt, đặc biệt là trong hoạt động Nói và Nghe. Vì vậy, tiếp cận chương trình và sách giáo khoa SGK (lớp 1 - 3) từ bình diện Ngữ dụng học để đưa ra các định hướng dạy học tiếng Việt theo các trục kiến thức phù hợp với từng khối lớp (lớp 1 - 5) là những điều rất cần thiết. Trong đó, chương trình của lớp 3 có những dấu ấn phát triển năng lực giao tiếp cho HS tiểu học một cách rõ nét, tăng độ khó, tiếp tục phát triển các hành động ngôn ngữ nhưng cũng đề cao năng lực lập luận trong giao tiếp và năng lực cảm thụ văn học thông qua việc hiểu ý nghĩa hàm ẩn của ngôn từ.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát về Ngữ dụng học

Ngữ dụng học (dụng học) là một chuyên ngành mới của ngôn ngữ học nhằm khắc phục những hạn chế của ngôn ngữ học truyền thống. Những định nghĩa Ngữ dụng học xoay quanh các khía cạnh sau: Hành vi nói năng của con người; Ý nghĩa đích thực của lời nói - sản phẩm ngôn ngữ được tạo ra của hành vi nói năng; Các yếu tố chi phối sự tương tác giữa con người với con người trong giao tiếp.

Từ các định nghĩa của người đi trước, chúng tôi cho rằng, ngữ dụng học là môn học nghiên cứu hành vi nói năng và ý nghĩa đích thực trong lời giữa người nói và người nghe xét trong sự tương tác gắn với ngữ cảnh và mục đích giao tiếp.

2.2. Dạy học tiếng Việt cho HS lớp 3 từ bình diện Ngữ dụng học

2.2.1. Nhận xét nội dung dạy học tiếng Việt cho HS lớp 3 từ bình diện Ngữ dụng học

Kiến thức Ngữ dụng học được thể hiện trong Yêu cầu cần đạt, Nội dung kiến thức môn Ngữ văn cho HS lớp 3 không chỉ yêu cầu HS ở mức độ cao

hơn mà còn bổ sung một số kiến thức mới, đòi hỏi HS trau dồi những kĩ năng giao tiếp cao hơn và dần hoàn thiện hơn so với lớp 2. Cụ thể là các trục kiến thức Ngữ dụng học tương ứng được thể hiện như sau:

- Nghĩa hàm ẩn: Yêu cầu HS nhận biết được chi tiết và nội dung chính, hiểu được nội dung hàm ẩn của văn bản với những suy luận đơn giản. Đồng thời, các em cần suy luận và hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản dựa vào gợi ý.

- Chiến lược lịch sự và phương tiện phi ngôn ngữ: Khi nói, HS cần trình bày rõ ràng, tập trung vào mục đích nói và đề tài được nói tới. Các em cần thái độ tự tin và có thói quen nhìn vào người nghe, biết tránh dùng từ ngữ kém văn hoá. Hơn nữa, khi hỏi và đáp, HS cần kết hợp với cử chỉ, điệu bộ thích hợp.

- Xây dựng câu hỏi dạy học văn bản thông tin và hướng dẫn HS trả lời theo trình tự thời gian: Nhận biết được cách sắp xếp thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian.

- Lập luận: Trong hoạt động viết, HS phải viết được đoạn văn ngắn nêu lí do vì sao mình thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

2.2.2. Một số định hướng nâng cao hiệu quả dạy học tiếng Việt cho HS lớp 3 từ bình diện Ngữ dụng học

2.2.2.1. Hướng dẫn HS tìm hiểu nghĩa hàm ẩn của văn bản văn học thông qua hệ thống câu hỏi gợi dẫn

Yêu cầu trong hoạt động đọc - hiểu của văn bản văn học là nhận biết được chi tiết và nội dung chính. Hiểu được nội dung hàm ẩn của văn bản với những suy luận đơn giản. Do đó, GV cần hướng dẫn HS tìm hiểu nghĩa hàm ẩn của văn bản văn học thông qua các câu hỏi gợi ý để các em cảm nhận được điều mà tác giả muốn gửi gắm thông qua văn bản. Hệ thống câu hỏi đọc hiểu văn bản văn học cần được xây dựng tuân thủ những nguyên tắc và quy trình phù hợp với từng mục tiêu bài dạy và yêu cầu cần đạt và hệ thống câu hỏi đã hiện hữu trong SGK.

Đầu tiên, HS cần nhận ra được dấu hiệu của nội dung/ chi tiết mang nghĩa hàm ẩn. Nghĩa hàm ẩn có thể thông qua hành động nhân vật. Từ hành

động của nhân vật, tác giả muốn người đọc hiểu cảm xúc, thái độ, phẩm chất ẩn sau đó.

Trong hoạt động đọc - hiểu của chương trình Tiếng Việt lớp 3, chúng tôi khảo sát được một số dạng câu hỏi yêu cầu HS hiểu được nội dung hàm ẩn của văn bản với những suy luận đơn giản như sau:

Dạng câu hỏi	Ví dụ
Giải thích vì sao nhân vật hành động như vậy	- Theo em, vì sao cô giáo bảo Hà Thu đọc bài? (Sgk trang 14, tập 1) - Theo em, vì sao cô bé ước mơ trở thành người làm vườn? (Sgk trang 87, tập 1) - Theo em, vì sao bạn Hà Vy thích truyện “Totto-chan bên cửa sổ”? (Sgk trang 94, tập 1)
Chi tiết/ dòng thơ nói lên điều gì	- Hai dòng thơ cuối bài muốn nói điều gì? (Sgk trang 33, tập 1) - Hai dòng thơ đầu nói điều gì? (Sgk trang 33, tập 2) - Ngọn lửa mang từ thành phố Ô-lim-pi-a báo hiệu điều gì? (Sgk trang 52, tập 2)
Bài đọc/ văn bản nói về điều gì	- Bài đọc nói về điều gì? (Sgk trang 21, tập 1) - Em suy nghĩ gì sau khi đọc bản tin? (Sgk trang 45, tập 2) - Bài đọc giúp em biết thêm điều gì? (Sgk trang 110, tập 2)
Vì sao diễn đạt như vậy	- Vì sao lớp học hôm ấy như có gió sông Hương thổi tới? (Sgk trang 41, tập 1) - Theo em, vì sao ngày thứ Bảy được gọi là thứ Bảy xanh? (Sgk trang 101, tập 1) - Vì sao ở mọi thời khắc trong ngày, bầu trời trên biển đảo Trường Sa luôn sinh động? (Sgk trang 59, tập 1)

Đối với dạng câu hỏi Giải thích vì sao nhân vật hành động như vậy, GV nên đặt các câu hỏi theo các mức độ gợi mở để các em hiểu được nghĩa tường minh, sau đó khám phá nghĩa hàm ẩn một cách tự nhiên. Các câu hỏi gợi mở cụ thể như: Nhân vật đã thực hiện hành động gì? Hành động đó tích cực hay tiêu cực? Vì sao hành động đó là tích cực/ tiêu cực? Hành động đó tác động gì đến nhân vật và những người xung quanh?

Ví dụ: Sgk trang 14, tập 1

Với câu hỏi Theo em, vì sao cô giáo bảo Hà Thu đọc bài?, GV có thể đặt câu hỏi gợi mở cho các em như:

- Sau khi đọc bài của Hà Thu, Cô giáo đã bảo bạn ấy làm gì?
- Yêu cầu của cô giáo dành cho Hà Thu mang tính khen ngợi hay chê trách?

Vì sao yêu cầu đó mang tính khen ngợi?

Ví dụ: Sgk trang 94, tập 1

Với câu hỏi Theo em, vì sao bạn Hà Vy thích truyện “Totto-chan bên cửa sổ”?, GV có thể đặt câu hỏi gợi mở cho các em như:

- Cuốn sách mà bạn Hà Vy yêu thích có tên là gì?
- Cuốn sách đó có những đặc điểm gì nổi bật?
- Vì sao bạn Hà Vy thích truyện “Totto-chan bên cửa sổ”?

Đối với dạng câu hỏi Chi tiết/ dòng thơ nói lên điều gì, GV nên dẫn dắt các em trả lời câu hỏi bằng cách gợi ý từ nội dung cụ thể đến nội dung khái

quát. Các câu hỏi gợi ý cụ thể như: Chi tiết/ dòng thơ nhắc đến điều gì? Điều đó có gì đặc biệt? Chi tiết/ dòng thơ nói lên điều gì?

2.2.2.2. Vận dụng quy tắc, chiến lược lịch sự trong giao tiếp hỗ trợ HS lựa chọn từ ngữ phù hợp

Dựa vào các chiến lược lịch sự trong giao tiếp, GV có thể định hướng cho HS các từ ngữ phù hợp trong cách diễn đạt. Căn cứ vào thực trạng quan sát được và vận dụng các chiến lược lịch sự trong giao tiếp, GV chủ động lựa chọn, mở rộng và thiết kế thêm các tình huống giao tiếp ngoài nội dung bài học, nhưng vẫn gắn liền với chủ điểm và hành vi giao tiếp đã đề ra để các em có thể lựa chọn các từ ngữ phù hợp trong cách diễn đạt. Điều này tạo cơ hội để HS trải nghiệm, thực hành trong nhiều tình huống và ngữ cảnh đa dạng, qua đó rèn luyện khả năng ứng xử linh hoạt và phù hợp hơn trong thực tế.

Thứ nhất, GV cần lưu ý đến việc vận dụng quy tắc chiến lược lịch sự trong giao tiếp hỗ trợ HS lựa chọn các từ xưng hô phù hợp.

Đặc biệt, GV có thể đưa ra những câu hỏi gợi ý để HS dễ dàng bắt đầu chia sẻ, ví dụ:

- Tên bạn là gì?
- Bạn sinh vào ngày mấy?
- Môn học yêu thích của bạn là gì?
- Ước mơ của bạn trong tương lai là gì?

Ở các câu hỏi này, GV đã sử dụng từ xưng hô “bạn” thay vì “em” để tạo cảm giác gần gũi, thân thiện cho HS, rút ngắn khoảng cách giữa GV và HS. Đó là chiến lược dùng những từ ngữ chứng tỏ người nói cùng nhóm, cùng hội cùng thuyền với người nghe. Từ đó, làm cho các em dễ mở lòng, sẵn sàng chia sẻ và hợp tác trong cuộc trò chuyện.

GV có thể đặt ra tình huống và hướng dẫn HS thực hiện các hành vi ngôn ngữ như sau:

STT	Tình huống giao tiếp	Quan hệ liên nhân	Hướng dẫn HS
1	Em và các bạn được nhận khăn quàng đỏ trong lễ kết nạp Đội. Bạn: - Chúng ta đã trở thành Đội viên rồi!	Ngang hàng	- <u>Chúng ta</u> đã cùng nhau cố gắng rất nhiều mà. - <u>Chúng ta</u> giỏi quá! Hai đứa mình là đôi bạn cùng tiến. - Đúng vậy. Từ giờ <u>chúng ta</u> cần làm gương cho các em nhỏ dưới. - ...

Trong cuộc hội thoại này, GV đã vận dụng chiến lược gộp người nói và người nghe vào hành động mang tính hợp tác. Chiến lược này giúp các em nhận ra từ xưng hô “chúng ta” thể hiện tinh thần hợp tác, thân thiện và bình đẳng. Từ đó tạo sự gắn kết giữa các thành viên giúp các bên hiểu nhau hơn, dễ dàng hướng ứng các mục tiêu hơn.

Thứ hai, GV cần lưu ý đến việc vận dụng quy tắc chiến lược lịch sự trong giao tiếp hỗ trợ HS lựa chọn các từ xưng hô phù hợp với đối tượng giao tiếp.

Ví dụ: Hoạt động nói và nghe (Sgk trang 108, tập 1)



Hình 2.1. Hình ảnh cho bài Lắng nghe những ước mơ

GV có thể đặt ra tình huống và hướng dẫn HS thực hiện các hành vi ngôn ngữ như sau:

- Đối với đối tượng giao tiếp có quan hệ liên nhân ngang hàng:

STT	Tình huống giao tiếp	Hướng dẫn HS
		Hành vi ngôn ngữ
1	Em trò chuyện với bạn cùng bàn trong giờ ra chơi, kể về người bạn hàng xóm của em.	- Ở gần nhà tớ có bạn tên là Quân, bạn ấy rất đẹp trai <u>nhà</u> . - Cạnh nhà tớ có bạn Quân đá bóng giỏi và rất vui tính <u>nữa đó</u> . - ...

Khi giao tiếp với bạn bè, các em có thể thêm các tình thái từ “nhé”, “nha”,... biểu thị sự thân mật, gần gũi.

- Đối với đối tượng giao tiếp có quan hệ liên nhân không ngang hàng (vai giao tiếp cao hơn):

STT	Tình huống giao tiếp	Hướng dẫn HS
1	Trong nhà bếp, em vừa đi học về và kể với mẹ người bạn mới chuyển đến mới chuyển đến lớp em.	- Mẹ biết không, hôm nay lớp con có một bạn mới đến tên là Linh ạ. - Bạn Linh mới đến có dáng người nhỏ nhắn và mái tóc rất dài <u>đó mẹ</u> . - Hôm nay có bạn Linh là HS mới rất vui vẻ và dễ thương ạ. - ...

Khi giao tiếp với người lớn tuổi hơn, đầu câu phải có “ạ”, “thưa”, cuối câu ta thêm tình thái từ “ạ” biểu hiện sự kính trọng. Còn đối với anh chị có thể chỉ cần “ạ” không cần “thưa”. Vì “thưa” biểu thị thái độ tôn trọng, lễ phép, kính cẩn phù hợp khi nói chuyện với người lớn tuổi, người già hơn là khi chúng ta đối thoại với anh chị em.

- Đối với đối tượng giao tiếp có quan hệ liên nhân không ngang hàng (vai giao tiếp thấp hơn):

STT	Tình huống giao tiếp	Hướng dẫn HS
1	Em trò chuyện với em gái, kể về người bạn hàng xóm mới chuyển đến.	- Gần nhà mình vừa có một bạn mới chuyển tới tên là Linh. - Bạn Linh mới chuyển đến hiền lành, hay cười và rất thân thiện <u>đó em</u> . - Mai chị rủ bạn Linh qua nhà mình chơi nha. - ...

Khi giao tiếp với người có vai nhỏ hơn, các em cần đáp lời sao cho người nhỏ hơn thấy được mình tiếp nhận lời nói một cách chân thành. Khi đáp cũng cần có từ “nhé” để thể hiện sự gần gũi, thân thiết. Giọng nói tự nhiên, vui vẻ, nhẹ nhàng.

2.2.2.3. Xây dựng các bài tập và tình huống làm rõ vai trò của ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp

Trong giao tiếp, ngôn ngữ cơ thể (phương tiện phi ngôn ngữ) góp phần truyền tải thông điệp, cảm xúc và thái độ của con người một cách tự nhiên, sinh động. Do đó, GV cần xây dựng các bài tập và tình huống làm rõ vai trò của ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp để kịp thời điều chỉnh và định hướng ngôn ngữ cho các em phù hợp với đối tượng và hoàn cảnh giao tiếp.

- Tình huống giao tiếp với người lớn tuổi hơn

STT	Tình huống giao tiếp	Quan hệ liên nhân	Hướng dẫn HS	
			Yếu tố phi lời	Hành vi ngôn ngữ
1	Em kể cho mẹ nghe về hội chợ xuân ở trường.	Không ngang hàng	- Em: cười tươi, ánh mắt hào hứng. - Mẹ: gật đầu, xoa đầu em, ánh mắt trìu mến.	- Mẹ ơi, hội chợ xuân ở trường con vui lắm! - Mẹ ơi, hội xuân hôm nay con chơi được rất nhiều trò chơi luôn. - Mẹ ơi, ngày hội hôm nay vui lắm. Con mong năm nào trường cũng tổ chức như vậy! - ...

Khi giao tiếp đối với người lớn tuổi hơn thì các em cần có thái độ kính trọng, lễ phép; mỉm cười, ánh mắt thể hiện sự vui vẻ; để đạt được hiệu quả giao tiếp cao thì khi chia sẻ cần kèm theo những các yếu tố kèm lời như cử chỉ ôm bố mẹ, ông bà, thầy cô để thể hiện sự thân mật. Ánh mắt nhìn ông bà, cha mẹ, anh chị, thầy cô giáo đầy yêu thương, môi mỉm cười khi được nghe chia sẻ.

- Tình huống giao tiếp với người bằng tuổi:

STT	Tình huống giao tiếp	Quan hệ liên nhân	Hướng dẫn HS	
			Yếu tố phi lời	Hành vi ngôn ngữ
1	Em và bạn thân cùng tham gia hội chợ xuân ở trường.	Ngang hàng	- Em: nét mặt hào hứng, ánh mắt thích thú, nắm tay bạn. - Bạn: nét mặt hào hứng, ánh mắt thích thú.	- Hội chợ hôm nay vui ghê ha! Tớ thích nhất gian hàng viết thư pháp đó. - Hội chợ hôm nay nhộn nhịp ghê! Có rất nhiều gian hàng thú vị luôn. - Hôm nay tham gia hội xuân mà tớ có cảm giác như Tết về sớm trong sân trường luôn á! - ...

Khi giao tiếp với người bằng tuổi, HS cần có thái độ vui vẻ, thân mật, gần gũi; mỉm cười, ánh mắt thể hiện sự vui vẻ, chân thành; Khi chia sẻ cảm xúc, cần kết hợp với các yếu tố kèm lời và các yếu tố phi lời như: nắm tay, khoác vai thể hiện sự gắn kết, mỉm

cười gần gũi. Trong quá trình trò chuyện, có thể cúi thấp người hoặc quỳ một chân để ngang tầm với người đối diện, qua đó tạo cảm giác gần gũi, ấm áp và dễ dàng kết nối hơn.

- Tình huống giao tiếp với người nhỏ tuổi hơn:

STT	Tình huống giao tiếp	Quan hệ liên nhân	Hướng dẫn HS	
			Yếu tố phi lời	Hành vi ngôn ngữ
1	Em kể cho em trai nghe về hội thi cắm hoa ở trường.	Không ngang hàng	- Em: cười tươi, ánh mắt trêu mến, giọng hào hứng - Em trai: chăm chú lắng nghe, ánh mắt tin cậy, ngưỡng mộ.	- Hôm nay, ở trường chị tổ chức hội thi cắm hoa vui lắm! - Hùng ơi, hội thi cắm hoa ở trường chị tổ chức rất nhiều hoạt động nha. - Nam ơi, hôm nay ở trường chị vui lắm. Rất nhiều hoa được mang đến để các lớp thi tài. - ...

Khi giao tiếp với người nhỏ tuổi hơn, HS cần có thái độ cười tươi, ánh mắt trêu mến, tin cậy, giọng hào hứng; Khi chia sẻ cảm xúc, cần kết hợp với các yếu tố kèm lời và các yếu tố phi lời như: nắm tay, khoác vai thể hiện sự gắn kết, mỉm cười gần gũi.

3. Kết luận

Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018 của môn Ngữ văn yêu cầu đáp ứng về phẩm chất, năng lực ở từng cấp học. Theo đó, các trực kiến thức của Ngữ dụng học cũng theo tiến trình đơn giản đến phức tạp gắn với sự phát triển tâm lí và năng lực ngôn ngữ của HS. Với phạm vi bài nghiên cứu, chúng tôi đã tập trung đề xuất những định hướng và lưu ý về dạy học Tiếng Việt cho HS lớp 3 tương ứng với

các trực kiến thức Ngữ dụng học. Cụ thể, chúng tôi nêu ra một số định hướng để GV hướng dẫn HS tìm hiểu nghĩa hàm ẩn của văn bản văn học; Vận dụng quy tắc chiến lược lịch sự trong giao tiếp hỗ trợ HS lựa chọn từ ngữ phù hợp; Xây dựng các bài tập và tình huống làm rõ vai trò của ngôn ngữ cơ thể trong giao tiếp. Bên cạnh đó, kết hợp trong quá trình tương tác, GV cũng tiếp tục rèn năng lực lập luận cho HS thông qua việc lựa chọn, sắp xếp ý và diễn đạt khi trả lời câu hỏi. Chúng tôi hy vọng đây sẽ là những gợi ý để GV tham khảo nhằm nâng cao năng lực giao tiếp cho HS lớp 3 thông qua dạy học Tiếng Việt ■

**Lời cảm ơn: Bài báo này là sản phẩm của đề tài nghiên cứu mã số: CS.2005.B3.040 được tài trợ bởi Trường Đại học Sài Gòn.*

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ Văn*. Nxb. Giáo dục.
- [2]. Đỗ Hữu Châu (2002). *Đại cương ngôn ngữ học (tập 2)*. Nxb. Giáo dục.
- [3]. Đỗ Thị Kim Liên (2005). *Giáo trình ngữ dụng học*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia.
- [4]. Nguyễn Thị Ly Kha - Trịnh Cam Ly (đồng Chủ biên) - Nguyễn Thị Thu Huyền - Phạm Kim Bích Loan - Phạm Thị Kim Oanh - Bùi Thanh Truyền (2022). *SGK Tiếng Việt 3 (Tập Hai), bộ sách CTST*. Nxb. Giáo dục Việt Nam.
- [5]. Nguyễn Thị Ly Kha - Trịnh Cam Ly (đồng Chủ biên) - Trần Văn Chung - Phạm Thị Kim Oanh - Bùi Thanh Truyền (2022). *SGK Tiếng Việt 3 (Tập Một), bộ sách CTST*. Nxb. Giáo dục Việt Nam.

Teaching Vietnamese to the grade 3 students - From a pragmatic perspective

Nguyen Thi Thu Hang - Nguyen Kien Quyet

Saigon University

Email: ntthang@sgu.edu.vn

Abstract: This article summarizes a part of our research on the relationship between the 2018 General Education Program in Literature for 3rd grade students and the relevant pragmatic knowledge. Through statistics, surveys, and analysis, we propose guidelines for applying pragmatic knowledge to improve the effectiveness of Vietnamese language teaching for primary school students in general and the third-grade students in particular.

Keywords: Vietnamese language teaching, primary school students, pragmatics.